

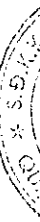
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006

AUDITED FINANCIAL STATEMENTS
For the year ended 31 December 2006

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

- - -

LOTUS JOINT STOCK COMPANY



MỤC LỤC

	Trang
<input type="checkbox"/> Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
<input type="checkbox"/> Báo cáo kiểm toán	3 - 4
<input type="checkbox"/> Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2006 (hợp nhất).....	5 - 8
<input type="checkbox"/> Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2006 (hợp nhất)	9
<input type="checkbox"/> Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2006 (hợp nhất).....	10
<input type="checkbox"/> Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2006	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
TRÁCH NHIỆM KIỂM TOÁN
TÀI CHÍNH
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Hoa Sen (dưới đây gọi tắt là Công ty) cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm 2006 và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
▪ Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
▪ Ông Hồ Văn Hoàng	Thành viên
▪ Ông Lại Ngọc An	Thành viên
▪ Ông Hoàng Đức Huy	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc
▪ Ông Ngô Ngọc Tạo	Thành viên
▪ Ông Lê Chí Nghĩa	Thành viên
▪ Ông Nguyễn Văn Thắng	Thành viên
▪ Bà Mai Thị Thanh Trang	Thành viên
▪ Ông Trần Ngọc Chu	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc

2. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000028 ngày 08/08/2001 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 14/12/2006.

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác.
- Sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm.
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác.
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại.
- Sản xuất tấm trần PVC.
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng.
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa.
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng.
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đến thời điểm 31/12/2006, Công ty đã mở rộng tất cả 61 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện.

Cơ cấu vốn điều lệ :

Vốn điều lệ :	250.000.000.000 VND
Số lượng cổ phiếu	2.500.000 cổ phiếu

19848-
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HOA SEN
VÀ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
ĐẠI DIỆN



Công ty Kiểm toán và Tư vấn
Tài chính Kế toán (AFC)

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh
Cao ốc Indochina Park Tower
4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (08) 2200237
Fax: (08) 2200265
Email: bdoafc.hcmc@bdoafc.vn

Ngày 28 tháng 01 năm 2007.

Số: 256/BCKT-2007

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoa Sen

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán (trước đây là Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán) đã kiểm toán Bảng cân đối kế toán vào ngày 31/12/2006, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm 2006 và thuyết minh các báo cáo tài chính cho năm 2006 kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Hoa Sen (dưới đây gọi tắt là Công ty). Các báo cáo này do Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm và lập theo chế độ kế toán Việt Nam. Trách nhiệm của chúng tôi là cung cấp các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo tài chính này dựa vào kết quả của quá trình kiểm toán.

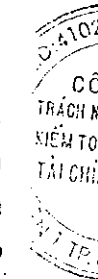
Công việc kiểm toán được căn cứ vào chế độ kế toán Công ty đang áp dụng và căn cứ vào quy định về tài chính kế toán của nhà nước Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các chuẩn mực kiểm toán quốc tế có thể áp dụng tại Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở trắc nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng là căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên phương diện trọng yếu thì các báo cáo tài chính đính kèm theo đây đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hoa Sen vào ngày 31/12/2006, kết quả kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ cho năm 2006 và thuyết minh các báo cáo tài chính cho năm 2006 kết thúc vào cùng ngày nêu trên và được lập phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Lưu ý:

- ◆ Nhằm mục đích chuẩn bị các kế hoạch đầu tư kinh doanh trong tương lai, trong năm 2006, Công ty có đánh giá nội bộ lại tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất số 178 QSDĐ/2002 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/06/2002 với số liệu chi tiết như sau:

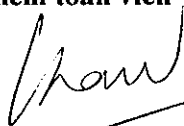


- Nguyên giá ban đầu	12.786.909.844
- Định giá lại	26.838.168.000
- Chênh lệch do đánh giá lại	14.051.258.156

Giá trị quyền sử dụng đất này đã được Công ty TNHH một thành viên Thẩm định giá Sài Gòn Nhà đất (SaiGonLand Appraisal Co., Ltd.) theo chứng thư thẩm định giá ngày 21 tháng 08 năm 2007 với tổng giá trị là 34.234.000.000 đồng tương đương 2.666,2 lượng vàng SJC tại thời điểm định giá.

- ♦ Việc đánh giá lại tài sản cố định vô hình này không làm ảnh hưởng đến chi phí khấu hao của Công ty trong năm 2006 do công ty sẽ đưa quyền sử dụng đất cho công ty con sử dụng trong năm 2007.

Kiểm toán viên



PHAN THỊ BÍCH CHÂU
CCKT Đ0081/KTV



Tổng Giám đốc



VŨ THỊ THỌ
CCKT Đ0065/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		404.448.501.772	250.147.053.864
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	38.162.642.139	61.784.010.270
1	Tiền	111		38.162.642.139	61.784.010.270
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2	DP giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	92.002.378.832	56.410.791.903
1	Phải thu khách hàng	131		70.716.830.628	33.270.203.420
2	Trà trước cho người bán	132		21.165.054.328	22.804.244.266
3	Phải thu nội bộ	133		-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	135		120.493.876	336.344.217
6	DP các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
IV	Hàng tồn kho	140	V.3	251.903.267.973	116.312.745.827
1	Hàng tồn kho	141		251.903.267.973	116.312.745.827
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		22.380.212.828	15.639.505.864
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.109.032.134	3.651.362.849
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.096.619.987	4.106.940.122
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	420.000.000
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	13.174.560.707	7.461.202.893
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		410.722.288.406	122.154.041.312
1	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		407.845.680.020	120.890.116.272
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	132.769.982.181	91.477.500.710
	- Nguyên giá	222		160.852.047.598	106.530.749.061
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28.082.065.417)	(15.053.248.351)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6	62.851.859.563	24.211.976.529
	- Nguyên giá	228		64.167.715.950	25.189.217.831
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.315.856.387)	(977.241.302)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		212.223.838.276	5.200.639.033

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đvt: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
	- Nguyên giá	241		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3	Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4	DP giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V	Tài sản dài hạn khác	260	V.7	2.876.608.386	1.263.925.040
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		2.876.608.386	1.263.925.040
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		815.170.790.178	372.301.095.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		557.154.725.412	238.407.692.585
I	Nợ ngắn hạn	310	V.8	421.434.952.662	223.750.747.085
1	Vay và nợ ngắn hạn	311		339.453.541.904	191.651.229.600
2	Phải trả người bán	312		47.607.728.521	29.773.636.180
3	Người mua trả tiền trước	313		2.423.350.520	1.407.491.979
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		5.382.159.959	635.639.326
5	Phải trả người lao động	315		2.982.374.967	
6	Chi phí phải trả	316		229.059.000	90.000.000
7	Phải trả nội bộ	317		-	-
8	Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		23.356.737.791	192.750.000
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II	Nợ dài hạn	330	V.9	135.719.772.750	14.656.945.500
1	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4	Vay và nợ dài hạn	334		135.719.772.750	14.656.945.500
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		258.016.064.766	133.893.402.591
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.10	258.016.064.766	133.893.402.591
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	120.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		14.051.258.156	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.035.193.390)	13.893.402.591
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2	Nguồn kinh phí	432		-	-
3	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		815.170.790.178	372.301.095.176

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (hợp nhất)

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đvt: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Tài sản thuê ngoài Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
2				
3	Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4	Nợ khó đòi đã xử lý			
5	Ngoại tệ các loại (VND)			
	- Đồng đô la Mỹ	V.1	443.360,02	250.611,36
	- Đồng Euro	V.1	38,33	
6	Dự toán chi hoạt động			

Ngày 31 tháng 08 năm 2007

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Hợp nhất)
Năm 2006

Mẫu số B 02 – DN
 Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Đvt: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.111.533.974.419	749.773.986.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	337.434.194	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	VI.3	1.111.196.540.225	749.773.986.199
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	925.430.846.064	682.224.512.274
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		185.765.694.161	67.549.473.925
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.6	479.800.993	466.453.741
7. Chi phí tài chính	22	VI.7	23.102.631.911	17.528.794.250
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.130.688.853	15.368.672.917
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	23.073.982.620	13.149.142.844
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	35.513.818.402	18.230.807.955
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		104.555.062.221	19.107.182.617
11. Thu nhập khác	31	VI.10	5.979.664.664	2.299.650.678
12. Chi phí khác	32	VI.11	1.643.145.479	1.959.507.515
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.336.519.185	340.143.163
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		108.891.581.406	19.447.325.780
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.12	4.309.946.211	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		104.581.635.195	19.447.325.780
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		74.472	22.322

Kế toán trưởng


 Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 31 tháng 03 năm 2007

Tổng Giám đốc


 Lê Phước Vũ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2006

Đvt: VND

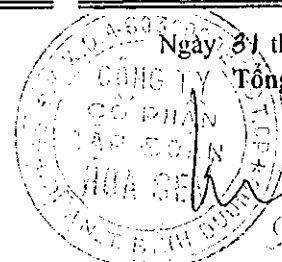
Chỉ tiêu	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 Lợi nhuận trước thuế	01		108.891.581.406	19.447.325.780
2 Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	02		13.361.354.177	9.988.762.024
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(633.902.284)	(44.092.499)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		322.422.119	(1.022.272.789)
Chi phí lãi vay	06		20.130.688.853	15.368.672.917
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		142.072.144.271	43.738.395.433
Tăng giảm các khoản phải thu	09		(43.874.624.608)	(15.953.889.895)
Tăng giảm hàng tồn kho	10		(135.590.522.146)	2.956.928.331
Tăng giảm các khoản phải trả	11		50.506.462.933	8.556.738.750
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(70.352.631)	(2.387.551.164)
Tiền lãi vay đã trả	13		(20.130.688.853)	(15.368.672.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.309.946.211)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(11.397.527.245)	21.541.948.538
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(286.245.919.742)	(33.307.633.505)
2 Tiền thu từ TL nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	1.100.000.000
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các ĐV khác	24		-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(342.162.146)	(77.727.211)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(286.588.081.888)	(32.285.360.716)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		130.000.000.000	50.000.000.000
2 Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của DN phát	32		-	-
3 Tiền vay ngắn hạn dài hạn nhận được	33		991.763.638.854	490.987.950.033
4 Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(722.898.499.300)	(452.082.477.518)
5 Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(183.212.000)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(124.510.231.176)	(23.514.450.447)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		274.354.908.378	65.207.810.068
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(23.630.700.755)	54.464.397.890
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		61.784.010.270	7.275.519.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		9.332.624	44.092.499
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		38.162.642.139	61.784.010.270

Kế toán trưởng



Ngày 31 tháng 03 năm 2007

Tổng Giám đốc



Đỗ Phước Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hoa Sen thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000028 ngày 08/08/2001 và đăng ký thay đổi lần 9 ngày 04/12/2006.

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại số 9, đại lộ Thống Nhất, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đến thời điểm 31/12/2006, Công ty đã mở rộng tất cả 61 chi nhánh và 01 văn phòng đại diện.

Cơ cấu vốn điều lệ :

Vốn điều lệ :	250.000.000.000 VND
Số lượng cổ phiếu	2.500.000 cổ phiếu

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Mục tiêu và phạm vi hoạt động kinh doanh Công ty là:

- Sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác.
- Sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm.
- Sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác.
- Sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại.
- Sản xuất tấm trần PVC.
- Sản xuất các loại vật liệu xây dựng.
- Mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
- Dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa.
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng.
- Sản xuất thép cán nguội dạng cuộn.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam.

2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Sổ sách kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam và các chuẩn mực kế toán Việt Nam ban hành bởi Bộ Tài Chính như sau:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 1.
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 2.
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 3.
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán đợt 4.
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán đợt 5.
- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức sổ sách kế toán: chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

- ▲ Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
- ▲ Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm tiền tệ hạch toán để lập các báo cáo tài chính. Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- ▲ Giá trị hàng tồn kho được thể hiện theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì thể hiện theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- ▲ Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
- ▲ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- ▲ Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng.

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- (a) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- (b) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
- (c) Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
- (d) Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

Các tài sản được ghi nhận là tài sản cố định vô hình phải thỏa mãn đồng thời:

- Định nghĩa về tài sản cố định vô hình và;
- Bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận của tài sản cố định hữu hình.

- ▲ Phương pháp khấu hao tài sản cố định (hữu hình, vô hình và thuê tài chính)

Khấu hao tài sản cố định được tính trừ vào nguyên giá theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản, tỉ lệ khấu hao phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003. Thời gian khấu hao bình quân ước tính theo nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà xưởng, vật kiến trúc	06 - 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 - 08 năm
▪ Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
▪ Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
▪ TSCĐ hữu hình khác	03 - 05 năm
▪ Quyền sử dụng đất	07 - 48 năm
▪ Phần mềm kế toán, quản lý	3 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- ▲ Chi phí trả trước dài hạn được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh bao gồm: chi phí trả trước về thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng cho một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí trả trước về thuê dịch vụ cung cấp cho hoạt động kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh; chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe...) và các loại lệ phí mua và trả một lần trong năm; công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.
- ▲ Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ chưa phát sinh như tiền com trừa, chi phí kiểm toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- ▲ Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- ▲ Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ khoản phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

▲ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

▲ Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- (a) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- (b) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

▲ Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác được thể hiện trong báo cáo tài chính bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xây ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu khác.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí lãi vay phát sinh có liên quan đến các khoản vay dùng để đầu tư hoạt động kinh doanh trong kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc chuyển đổi ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền (tiền, các khoản nợ khoản phải thu và các khoản nợ phải trả) có gốc ngoại tệ theo tỷ giá quy định được ghi nhận vào khoản mục chi phí tài chính trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh

9. Nguyên tắc ghi nhận phải thu thương mại

Khoản phải thu được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải thu thương mại từ khách hàng và các khoản công nợ khác bao gồm cả những khoản công nợ khó đòi.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác.

Khoản phải trả được trình bày trong báo cáo tài chính là các khoản phải trả cho nhà cung cấp và các khoản công nợ phải trả khác.

Công ty trích bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành là 15% và 5% trừ vào lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên tổng quỹ lương vào giá thành là 2% và 1% trừ vào lương cán bộ công nhân viên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	26.651.178.601	24.074.311.745
- Tại trụ sở chính	12.859.527.468	13.695.125.259
- Tại các chi nhánh	13.791.651.133	10.379.186.486
Tiền gửi ngân hàng	11.511.463.538	37.709.698.525
- Tại trụ sở chính	9.790.439.192 (1)	37.181.380.030
- Tại các chi nhánh	1.721.024.346	528.318.495
Cộng	38.162.642.139	61.784.010.270

(1) Bao gồm:

Tiền gửi (VND)	2.673.252.676		
- NH NN & PTNT CN KCN Sóng Thần	466.362.166		
- NH NN & PTNT CN Bình Dương	636.599.068		
- NH Công Thương VN – CN Bình Dương	356.743.373		
- NH Ngoại thương – CN Bình Dương	702.638.080		
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	388.748.336		
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín – PGD Dĩ An	77.672.100		
- Quỹ Hỗ trợ phát triển TP	44.489.553		
Tiền gửi (USD)	7.116.371.682	#	443.360,02 USD
- NH NN & PTNT CN KCN Sóng Thần	3.356.746	#	209,13 USD
- NH Công Thương VN – CN Bình Dương	3.318.865	#	206,77 USD
- NH Ngoại thương – CN Bình Dương	13.369.841	#	832,96 USD
- NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.398.524	#	87,13 USD

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- NH NN & PTNT CN Bình Dương	7.094.927.706	#	442.024,03	USD
Tiền gửi (EUR)	814.834	#	38,33	EUR
- NH NN & PTNT CN KCN Sóng Thần	4.039	#	0,19	EUR
- NH NN & PTNT CN Bình Dương	810.795	#	38,14	EUR

2. Các khoản phải thu

	Cuối năm		Đầu năm
Phải thu người mua	70.716.830.628		33.270.203.420
- Tại trụ sở chính	29.560.114.676 (1)		22.653.027.928
- Tại các chi nhánh	41.156.715.952 (2)		10.617.175.492
Trả trước người bán	21.165.054.328		22.804.244.266
- Tại trụ sở chính	21.165.054.328 (3)		22.804.244.266
- Tại các chi nhánh	-		-
Cộng	91.881.884.956		56.074.447.686

(1) Chủ yếu là các khoản phải thu của:

- Công ty TNHH Vạn Phúc	4.017.329.242
- DNTN Vạn Đức	1.404.904.739
- Công ty TNHH Thuận Lợi	2.441.143.321
- Công ty TNHH Lục Độ	3.336.100.738
- Công ty TNHH Long Duy Phát	1.904.883.801
- Cơ sở Tôn Thành Đạt	1.803.618.279
- DNTN SX TM DV Bát Chánh	1.080.636.144
- Công ty TNHH TM SX Tân Biên	1.003.948.039

(2) Chủ yếu là các khoản phải thu tại các chi nhánh:

- Chi nhánh tại Thủ Dầu Một	1.423.304.400
- Chi nhánh tại Rạch Giá	1.303.689.140
- Chi nhánh tại Trà Vinh	1.250.496.531
- Chi nhánh tại Đăk Lăk	1.679.935.929
- Chi nhánh tại Hà Nội	2.318.863.556
- Chi nhánh tại Pleiku	1.762.389.796
- Chi nhánh tại Nghệ An	2.291.979.828
- Chi nhánh tại Đà Nẵng	4.179.052.477

(3) Chủ yếu là các khoản trả trước cho:

- Công ty CP Hóa dầu công nghệ cao Hi-pec	1.467.008.400
- Công ty CP Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO	1.328.331.000
- Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật Hạ tầng KCN Đồng Xuyên & Phú Mỹ I	1.065.939.520
- Công ty TNHH STD & D	1.776.271.266
- Công ty Thép tấm lá Phú Mỹ	3.023.138.912

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN 2.394.750.000

3. Các khoản phải thu khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác	120.493.876	336.344.217
- Tại trụ sở chính	91.995.351	281.942.624
- Tại các chi nhánh	28.498.525	54.401.593
Cộng	120.493.876	336.344.217

4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	2.623.712.309	2.551.779.192
- Tại trụ sở chính	-	-
- Tại các chi nhánh	2.623.712.309	2.551.779.192
Nguyên liệu, vật liệu	167.725.033.362	48.796.393.797
- Tại trụ sở chính	111.885.958.405	18.545.634.342
- Tại các chi nhánh	55.839.074.957	30.250.759.455
Công cụ, dụng cụ	10.266.056.831	54.708.185
- Tại trụ sở chính	10.247.650.068	52.550.885
- Tại các chi nhánh	18.406.763	2.157.300
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	706.991.503	1.217.197.593
- Tại trụ sở chính	706.991.503	1.217.197.593
- Tại các chi nhánh	-	-
Thành phẩm	63.452.156.783	56.362.652.508
- Tại trụ sở chính	62.996.717.327	55.891.659.878
- Tại các chi nhánh	455.439.456	470.992.630
Hàng hóa	7.129.317.185	7.022.551.283
- Tại trụ sở chính	1.122.190.614	160.116.399
- Tại các chi nhánh	6.007.126.571	6.862.434.884
Hàng gửi đi bán	-	307.463.269
- Tại trụ sở chính	-	-
- Tại các chi nhánh	-	307.463.269
Cộng giá gốc hàng tồn kho	251.903.267.973	116.312.745.827

Giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các hợp đồng vay ngắn hạn tại các Ngân hàng cụ thể như sau:

Ngân hàng Ngoại thương Bình Dương – Chi nhánh Khu công nghiệp 67.142.349.302
 Ngân hàng Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Sở Giao dịch TP.HCM 17.406.773.574

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.964.031.720	3.964.031.720
- Tại trụ sở chính	3.964.031.720 (1)	3.964.031.720
- Tại các chi nhánh	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	689.533.457	268.014.000
- Tại trụ sở chính	626.533.457	268.014.000
- Tại các chi nhánh	63.000.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.520.995.530	3.229.157.173
- Tại trụ sở chính	8.520.995.530 (2)	3.229.157.173
- Tại các chi nhánh	-	-
Cộng	13.174.560.707	7.461.202.893

(1) Đây là giá trị nhà xưởng đã xây dựng nhưng do Công ty thi công xây dựng vi phạm thuế nên Cục thuế Bình Dương không chấp nhận nguyên giá của tài sản. Đến ngày 06/08/2007, Cục Thuế tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 4568/QĐ-CT trong đó đã định giá các nhà xưởng với giá trị là 2.409.290.000 đồng.

(2) Chủ yếu là ký quỹ tiền mua nguyên vật liệu.

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tài sản khác	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	24.167.714.674	73.322.935.374	8.438.112.857	297.376.274	304.609.882	106.530.749.061
- Mua trong năm	13.464.135.464	30.401.165.572	7.359.514.426	641.779.987	10.727.273	51.877.322.722
- Đầu tư XD CB hoàn thành	2.469.793.816	-	-	-	-	2.469.793.816
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Nhượng bán, thanh lý	-	-	14.090.728	-	-	14.090.728
- Giảm khác	-	-	11.727.273	-	-	11.727.273
Số dư cuối năm	40.101.643.954	103.724.100.946	15.771.809.282	939.156.261	315.337.155	160.852.047.598
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.373.127.522	11.318.056.026	2.184.320.513	112.225.173	65.519.117	15.053.248.351
- Khấu hao trong năm	1.343.927.771	10.199.646.045	1.343.941.005	104.776.475	42.603.744	13.034.895.040
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Nhượng bán, thanh lý	-	-	3.659.226	-	-	3.659.226
- Giảm khác	-	-	2.418.748	-	-	2.418.748
Số dư cuối năm	2.717.055.293	21.517.702.071	3.522.183.544	217.001.648	108.122.861	28.082.065.417
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình						
Tại ngày đầu năm	22.794.587.152	62.004.879.348	6.253.792.344	185.151.101	239.090.765	91.477.500.710
Tại ngày cuối năm	37.384.588.661	82.206.398.875	12.249.625.738	722.154.613	207.214.294	132.769.982.181

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bình Dương bao gồm:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.932.819.736
- Phương tiện vận tải	1.082.487.071
- Máy móc thiết bị	34.668.260.491
Cộng	49.683.567.298

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình				
Số dư đầu năm	24.996.572.734	-	192.645.097	25.189.217.831
- Mua trong năm	24.881.523.940	-	45.716.023	24.927.239.963
- Tăng khác do đánh giá lại	14.051.258.156	-	-	14.051.258.156
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
- Giảm khác		-	-	-
Số dư cuối năm	63.929.354.830	-	238.361.120	64.167.715.950
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	977.241.302	-	-	977.241.302
- Khấu hao trong năm	263.517.806	-	75.097.279	338.615.085
- Tăng khác		-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	-
- Giảm khác		-	-	-
Số dư cuối năm	1.397.250.338	-	75.097.279	1.472.347.617
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình				
Tại ngày đầu năm	24.019.331.432	-	192.645.097	24.211.976.529
Tại ngày cuối năm	62.688.595.722	-	163.263.841	62.851.859.563

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Bình Dương

- Quyền sử dụng đất 15.342.217.844

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	212.223.838.276	5.200.639.033
Trong đó, các công trình lớn		
+ Mua sắm thiết bị tại trụ sở chính	159.646.998.269	3.554.349.314
+ Dự án nhà máy cán nguội	48.948.159.303	1.052.564.187
+ Xây dựng nhà xưởng tại các chi nhánh	3.628.680.704	

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Tại trụ sở chính	2.466.795.226	1.084.395.110
- Tại các chi nhánh	409.813.160	179.529.930
Cộng	2.876.608.386	1.263.925.040

Trong đó:

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí công cụ sản xuất	1.460.699.885	390.311.251
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	1.415.908.501	873.613.789
Cộng	2.876.608.386	1.263.925.040

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm
Vay ngắn hạn	335.496.596.404	(1)	182.019.773.600
Nợ dài hạn đến hạn trả	3.956.945.500	(2)	9.631.456.000
Cộng	339.453.541.904		191.651.229.600

(1) Bao gồm các khoản vay tại các Ngân hàng sau:

Hợp đồng	Ngày	Mục đích	Thời hạn vay	Còn phải trả	
				USD	# VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bình Dương					
15/HĐTĐ	14/11/2005	thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	12 tháng	1.512.620,00	24.354.694.620
16/HĐTĐ	09/06/2006	thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	12 tháng		185.500.000.000
17/HĐTĐ	14/11/2006	thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	12 tháng	3.805.514,00	61.272.580.914
Ngân hàng Ngoại Thương - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương					
003AA06	24/04/2006	thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	6 tháng	964.870,00	15.535.371.870
007BA06	24/04/2006	thanh toán tiền mua nguyên vật liệu	6 tháng		36.613.290.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sở Giao dịch TP.HCM					
9474	18/04/2006	bổ sung vốn lưu động	12 tháng	759.000,00	12.220.659.000

(2) Khoản phải trả cho Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm		Đầu năm
Phải trả người bán	47.607.728.521		29.773.636.180
- Tại trụ sở chính	47.362.199.839	(1)	29.691.710.617
- Tại các chi nhánh	245.528.682		81.925.563
Người mua trả tiền trước	2.423.350.520		1.407.491.979
- Tại trụ sở chính	2.011.160.335	(2)	1.075.472.278
- Tại các chi nhánh	412.190.185		332.019.701
Cộng	50.031.079.041		31.181.128.159

(1) Chủ yếu là các khoản phải trả cho:

- Công ty TNHH AK Vina	12.973.245.637
- Công ty TNHH Bluescope Steel Việt Nam	4.211.790.912
- Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	2.667.588.192
- Công ty Flat Products Equipments (Ấn Độ)	2.742.980.830
- Công ty TNHH Nguyên Hưng	1.862.660.700
- Công ty TNHH SX TM Sắt thép T.I.I.C	3.500.692.000
- Công ty Thép Philipines	7.368.851.056

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

(2) Chủ yếu là các khoản ứng trước của:

- Công ty TNHH CK XD TM Đại Dững	420.105.993
- Công ty TNHH Thép Đông Anh	380.000.000
- Công ty TNHH XD TM Hoàng Phát	368.642.200

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.172.298.498	330.363.086
- Tại trụ sở chính	1.011.909.240	281.942.624
- Tại các chi nhánh	160.389.258	48.420.462
Thuế nhập khẩu	369.695.771	305.276.240
- Tại trụ sở chính	369.695.771	305.276.240
- Tại các chi nhánh	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.791.946.211	-
- Tại trụ sở chính	3.791.946.211	-
- Tại các chi nhánh	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	48.219.479	-
- Tại trụ sở chính	47.704.479	-
- Tại các chi nhánh	515.000	-
Cộng	<u>5.382.159.959</u>	<u>635.639.326</u>

13. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí kiểm toán	160.000.000	90.000.000
Chi phí com trừ tháng 12	69.059.000	-
Cộng	<u>229.059.000</u>	<u>90.000.000</u>

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	29.290.000	7.420.000
Bảo hiểm xã hội	148.350.000	74.200.000
Bảo hiểm y tế	22.354.500	11.130.000
Doanh thu nhận trước	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	23.156.743.291	100.000.000
Cộng	<u>23.356.737.791</u>	<u>192.750.000</u>

15. Các khoản vay dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay dài hạn	135.719.772.750 (1)	14.656.945.500
Nợ dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>135.719.772.750</u>	<u>14.656.945.500</u>

D.410
 H
 C
 TRÁCH
 KIỂM T
 TÀI CH
 TÀI T

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thế hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Hợp đồng		Ngày	Mục đích	Thời hạn vay	Còn phải trả		Trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong năm 2006	
					USD	# VND	USD	# VND
(1) Bao gồm:								
a. Vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương								
06/HSEN/HDTD	16/04/2002	trả tiền thuê đất	60 tháng		1.547.000.000			1.547.000.000
07/HSEN/HDTD	13/06/2002	mua máy móc thiết bị	60 tháng		1.570.000.000			1.570.000.000
02-03/HDTD	26/06/2003	mua máy móc thiết bị	48 tháng	53.000,00	853.353.000	53.000,00		853.353.000
04/03/HDTD	25/07/2003	trả tiền thuê đất	42 tháng		50.000.000			50.000.000
18/HDTD	20/12/2006	Chi phí đầu tư các chi nhánh	60 tháng		3.532.000.000			-
b. Vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Bình Dương								
004DA06	24/11/2006	đầu tư dây chuyền sản xuất tole	24 tháng		940.000.000			940.000.000
c. Vay tại Quỹ Hỗ trợ Phát triển Bình Dương								
02/2005-HDTD	26/09/2005	đầu tư xây dựng Nhà máy cán nguội	10 năm		29.100.000.000			-
02/2005/ODA-TDNN	26/09/2005	đầu tư xây dựng Nhà máy cán nguội	10 năm	6.340.250,00	102.084.365.250			-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

16.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	120.000.000.000	70.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	155.864.100.000	51.202.200.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	25.864.100.000	1.202.200.000
+ Vốn góp cuối kỳ	250.000.000.000	120.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	115.725.602.473	23.719.793.333

16.4. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.500.000
Số lượng phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.500.000
+ Cổ phiếu thường	2.499.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.000
Số lượng phiếu được mua lại	-
+ Cổ phiếu thường	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-
Số lượng phiếu đang lưu hành	2.500.000
+ Cổ phiếu thường	2.499.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	1.000
* Mệnh giá cổ phiếu thường (1 cổ phiếu)	100.000 đồng
* Mệnh giá cổ phiếu ưu đãi (1 cổ phiếu)	100.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.111.533.974.419	749.773.986.199
- Tại trụ sở chính	428.619.422.767	420.129.970.624
- Tại các chi nhánh	682.914.551.652	329.644.015.575
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	1.111.533.974.419	749.773.986.199

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	2.600.000	-
- Tại Trụ sở chính	2.600.000	-
- Tại các chi nhánh	-	-
Hàng bán trả lại	334.834.194	-
- Tại Trụ sở chính	86.784.592	-
- Tại các chi nhánh	248.049.602	-
Cộng	337.434.194	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, dịch vụ	1.111.196.540.225	749.773.986.199
- Tại Trụ sở chính	428.530.038.175	420.129.970.624
- Tại các chi nhánh	682.666.502.050	329.644.015.575
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Cộng	1.111.196.540.225	749.773.986.199

4. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	925.430.846.064	682.224.512.274

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	280.044.816	77.727.211
- Tại Trụ sở chính	263.205.626	70.089.295
- Tại các chi nhánh	16.839.190	7.637.916
Lãi do chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	137.638.847	1.976.265
Lãi do chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư	-	44.092.499
Lãi suất hỗ trợ sau đầu tư	62.117.330	342.657.766
Cộng	479.800.993	466.453.741

6. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	20.130.688.853	15.368.672.917
Lỗ do chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	2.338.040.774	2.160.121.333
Lỗ do chênh lệch tỷ giá do đánh giá số dư	633.902.284	-
Cộng	23.102.631.911	17.528.794.250

7. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Tại Trụ sở chính	21.364.762.103	13.149.142.844
Tại các chi nhánh	1.709.220.517	-
Cộng	23.073.982.620	13.149.142.844

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tại Trụ sở chính	21.029.283.537	12.587.618.985
Tại các chi nhánh	14.484.534.865	5.643.188.970
Cộng	35.513.818.402	18.230.807.955

02049845
 CÔNG TY
 CH HHIỆM HỮU
 TỐÁN VÀ TỬ V
 CHÍNH KẾ TỐA
 TP. HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Tại Trụ sở chính	5.949.939.661	2.299.650.678
Tại các chi nhánh	29.725.003	-
Cộng	5.979.664.664	2.299.650.678

10. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tại Trụ sở chính	1.632.441.390	1.959.507.515
Tại các chi nhánh	10.704.089	-
Cộng	1.643.145.479	1.959.507.515

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	104.581.635.195
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.623.487.576)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	2.623.487.576
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	101.958.147.619
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.369.075
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	74.472

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số dư đầu kỳ

- Trong năm 2006, Công ty thay đổi chính sách kế toán hàng tồn kho từ phương pháp nhập trước xuất trước sang bình quân gia quyền, Công ty đã áp dụng hồi tố đối với hàng tồn kho năm 2005, năm 2006. Việc áp dụng hồi tố này làm ảnh hưởng đến các chỉ tiêu bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2005 và 2006.
- Công ty bán hàng cho các chi nhánh nên phát sinh khoản doanh thu nội bộ do đó trong báo cáo hợp nhất phải loại trừ doanh thu nội bộ và giá vốn nội bộ.

Số liệu chi tiết cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh		Số sau điều chỉnh
		Do hồi tố	Do hợp nhất	
Năm 2005				
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu bán hàng	1.071.320.722.914	-	(321.546.736.715)	749.773.986.199
Giá vốn hàng bán	1.003.703.354.238	(1.292.825.077)	(320.186.016.887)	682.224.512.274
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.515.220.531	1.292.825.077	(1.360.719.828)	19.447.325.780
CP thuế thu nhập hiện hành	-	-	-	-
Lợi nhuận kế toán sau thuế	19.515.220.531	1.292.825.077	(1.360.719.828)	19.447.325.780

CÔNG TY CỔ PHẦN HOA SEN
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2006.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ được ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Số trước điều chỉnh	Điều chỉnh		Số sau điều chỉnh
		Do hồi tố	Do hợp nhất	
Bảng cân đối kế toán				
Hàng tồn kho				
<i>SDDK</i>	120.506.303.286	(1.236.629.128)		119.269.674.158
<i>SDCK</i>	117.617.269.706	(1.304.523.879)		116.312.745.827
Lợi nhuận chưa phân phối				
<i>SDDK</i>	19.197.156.386		(1.236.629.128)	17.960.527.258
<i>SDCK</i>	15.197.926.470	1.292.825.077	(2.597.348.956)	13.893.402.591
Năm 2006				
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu bán hàng	1.739.988.537.530		(628.791.997.305)	1.111.196.540.225
Giá vốn hàng bán	1.548.558.372.165	1.292.825.077	(624.420.351.178)	925.430.846.064
Lợi nhuận kế toán trước thuế	114.556.052.610	(1.292.825.077)	(4.371.646.127)	108.891.581.406
CP thuế thu nhập hiện hành	4.309.946.211			4.309.946.211
Lợi nhuận kế toán sau thuế	110.246.106.399	(1.292.825.077)	(4.371.646.127)	104.581.635.195
Bảng cân đối kế toán				
Hàng tồn kho				
<i>SDDK</i>	117.617.269.706	(1.304.523.879)		116.312.745.827
<i>SDCK</i>	258.872.263.056	(6.968.995.083)		251.903.267.973
Lợi nhuận chưa phân phối				
<i>SDDK</i>	15.197.926.470	1.292.825.077	(2.597.348.956)	13.893.402.591
<i>SDCK</i>	933.801.693		(6.968.995.083)	(6.035.193.390)

- Số dư đầu kỳ vào ngày 01/01/2006 là số dư vào ngày 31/12/2005 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Kế toán kiểm toán và được chuyển đổi sang chế độ kế toán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

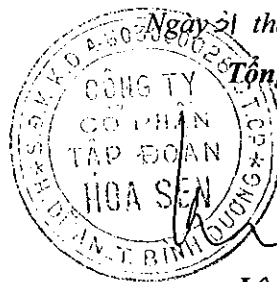
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Ngọc Lan

Ngày 21 tháng 03 năm 2007.

Tổng giám đốc



Lê Phước Vũ